

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-02-2020

V/v: “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thắm

2. Ông Nguyễn Văn Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 775/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị P, sinh năm: 1977.

- Bị đơn: Anh Lê Thành P1, sinh năm: 1970.

Cùng địa chỉ: Tổ 19, ấp C, xã CG, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Chị P, anh P1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Chị Đinh Thị P trình bày:

Chị và anh P1 bắt đầu tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CG. Vàng cưới hiện không còn do vợ chồng đã bán để lo cho gia đình. Anh chị chung sống hạnh phúc được 01 năm, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, anh P1 không chăm lo cho gia đình và vợ con, anh P1 thường đi đánh bạc dưới hình thức đánh bài, anh P1 nhiều lần đánh chị, có lần đánh chị gãy tay. Chị có nhiều lần khuyên anh P1 thay đổi để cuộc sống vợ chồng được hạnh phúc nhưng không được. Trước đây khoảng 02 đến 03 năm chị có nộp đơn yêu cầu ly hôn anh P1 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu nhưng anh P1 xin tha thứ nên chị cho chồng cơ hội, sau đó anh P1 vẫn không thay đổi. Vợ chồng không sống ly thân, tuy sống chung nhà nhưng không ai quan

tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh P1.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung là cháu Lê Thị Cẩm G, sinh năm 1996; Lê Tường D, sinh năm 2001; Lê Thị Trúc L, sinh ngày 24-06-2003. Hiện cháu G và cháu D đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu L đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ly, không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thành P1 trình bày: Anh thống nhất với các nguyên nhân mâu thuẫn mà chị P trình bày. Anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P do anh vẫn còn thương vợ con, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng chăm sóc các con. Anh biết bản thân nhiều lần có lỗi với vợ, anh hứa sẽ thay đổi để cuộc sống vợ chồng được hạnh phúc hơn. Anh có đánh vợ là do chị P có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên nhắn tin qua điện thoại. Anh chấp nhận bỏ qua các lỗi lầm của vợ để vợ chồng về tiếp tục chung sống. Anh yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 người con chung như chị P trình bày là đúng, trường hợp Tòa án cho ly hôn anh yêu cầu nuôi cháu Ly, không yêu cầu chị P cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P; giao cho chị P được quyền nuôi dưỡng cháu Ly, anh P1 không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Về hôn nhân: Chị P và anh P1 chung sống với nhau vào năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CG, huyện Gò Dầu vào ngày 09-11-2005. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị P có yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị P thì thấy: Mâu thuẫn của chị P và anh P1 phát sinh từ việc anh chị chung sống không hạnh phúc do anh P1 thường xuyên cờ bạc, không lo lắng và chăm sóc cho gia đình. Chị P đã khuyên nhiều lần nhưng anh P1 vẫn không thay đổi, mọi việc trong gia đình đều do một mình chị P lo chi phí sinh hoạt dẫn đến việc chị P bức xúc ảnh hưởng đến quan hệ tình cảm của vợ chồng. Chị P cũng đã từng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh P1 nhưng do anh P1 hứa sửa đổi nên chị P cho anh P1 cơ hội sửa sai, tuy nhiên sau đó anh P1 vẫn không thay đổi. Dù hiện nay vợ

chồng anh chị vẫn sống chung nhà nhưng anh chị vẫn không thể hàn gắn tình cảm, không quan tâm đến công việc của nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về con chung: Anh chị có 03 người con chung tên Lê Thị Cẩm G, sinh năm 1996; Lê Tường D, sinh năm 2001; Lê Thị Trúc L, sinh ngày 24-06-2003. Hiện cháu Giang và cháu Di đã thành niên, có khả năng lao động và anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Đối với cháu L là nữ, có nguyện vọng sống với mẹ, chị P có công việc ổn định nên giao cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[1.3] Về tài sản chung: Anh chị thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

[1.4] Về nợ chung: Anh chị thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

[2] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị P đối với anh Lê Thành P1. Chị P được ly hôn với anh P1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Hiện cháu Lê Thị Cẩm G, sinh năm 1996; Lê Tường D, sinh năm 2001 đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết. Giao cháu Lê Thị Trúc L, sinh ngày 24-06-2003 cho chị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh P1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh P1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009855 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận chị P đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã CG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Vũ